

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 28-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Bắc.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2022/TLST-DS ngày 05/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐST-DS ngày 13/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà C; địa chỉ: ấp B, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Y và bà T; địa chỉ: ấp B, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt đủ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà C trình bày: Bà C và vợ chồng ông Y, bà T là người cùng xóm. Hai bên có tham gia chơi hụi, bà C làm chủ hụi. Bà T và ông Y có tham gia nhiều năm và nhiều chung hụi. Đến năm 2021 tổng kết hụi thì còn nợ bà C số tiền 75.000.000 đồng. Sau đó, không góp hụi nữa nên bà C yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Bà T có hứa mỗi tháng trả 1.750.000 đồng, nhưng chỉ đóng được 6 lần thì ngưng không đóng nữa. Nay yêu cầu bà T và ông Y trả số tiền còn lại là 63.500.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà T trình bày:* Bà T có chơi hụi do bà C làm chủ hụi là đúng. Đồng thời có vay tiền của bà C. Số tiền bà C yêu cầu trong đó có 15.000.000 đồng tiền vay và 19.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi là do trước đây có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C vay 100.000.000 đồng. Bà C đã dồn tiền hụi và tiền vay thành tiền hụi. Tiền hụi hay tiền vay gì thì bà T cũng thừa nhận còn nợ bà C số tiền 63.500.000 đồng. Nhưng năm 2022 dịch bệnh nên không trả theo thỏa thuận được. Nay đồng ý trả cho bà C 63.500.000 đồng, nhưng hoàn cảnh khó khăn xin trả hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

- *Bị đơn ông Y trình bày:* Việc bà T vay tiền và chơi hụi ông không biết. Nhưng bà T thiếu nợ thì vợ chồng cùng nhau trả, thống nhất cùng bà T trả cho bà C số tiền 63.500.000 đồng. Nhưng hiện tại bà T đang bệnh, ông bà cũng không có công việc gì làm nên cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 63.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà C và bà T, ông Y có hợp đồng góp hụi (Bà C là chủ hụi; vợ chồng bà T là thành viên), nay có tranh chấp bà C yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự không ai thuộc đối tượng được trợ giúp.

[2] Bà C yêu cầu vợ chồng bà T, ông Y trả số tiền nợ hụi còn lại là 63.500.000 đồng. Ông Y, bà T thừa nhận số nợ nên xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật các bên đều thừa nhận, đương sự không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bên không thỏa thuận được là do không thống nhất được thời gian trả nợ. Bà C yêu cầu trả ít nhất mỗi tháng 1.750.000 đồng hoặc chia ra trả 03 lần cho hết số nợ; bà T và ông Y yêu cầu được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà C vì bà T và ông Y thừa nhận và thống nhất

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1- Chấp nhận yêu cầu của bà C đối với bà T và ông Y. Buộc ông Y và bà T cùng liên đới trả cho bà C số tiền 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2- Án phí sơ thẩm: Bà T và ông Y được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.587.500 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001032 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận